

**CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ GTC MARKETING**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ GTC MARKETING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GTC MARKETING INTERNATIONAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GTC MARKETING INTER CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110711327

**3. Ngày thành lập:** 10/05/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 39 TT6- KĐT Văn Phú, đường Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0358662686

Fax:

Email: [hangbuithi102@gmail.com](mailto:hangbuithi102@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên)<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới thương mại                                                                                                                           | 4610     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                    | 4651     |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                     | 4652     |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                              | 8230     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>(Trừ Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tức ký ; Hoạt động đấu giá độc lập; Dịch vụ lấy lại tài sản)<br>Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa<br>Thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử | 8299     |
| 6.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                              | 9511     |
| 7.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                  | 6201     |
| 8.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                    | 6202     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                                                                                                                      | 6209     |
| 10. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                     | 6311     |
| 11. | Cổng thông tin<br>Trừ hoạt động của các trang báo chí)                                                                                                                                                                                                                 | 6312     |
| 12. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                                          | 6399     |

Thời gian đăng từ ngày 11/05/2024 đến ngày 10/06/2024

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6619        |
| 14. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7020        |
| 15. | Quảng cáo<br>(Trừ loại nhà nước cấm)<br>Chi tiết: - Sáng tạo và thực hiện các chiến dịch quảng cáo:<br>Sáng tạo và đặt quảng cáo trong internet và các phương tiện truyền thông khác; đặt quảng cáo ngoài trời như: bảng lớn, panô, bảng tin, cửa sổ, phòng trưng bày, ô tô con và ô tô buýt...;<br>quảng cáo trên không; phân phối các nguyên liệu hoặc mẫu quảng cáo; cung cấp các chỗ trống quảng cáo trên bảng lớn; thiết kế vị trí và trình bày trên trang web;<br>- Làm các chiến dịch quảng cáo và những dịch vụ quảng cáo khác có mục đích thu hút và duy trì khách hàng như: Khuyến trương quảng cáo; marketing điểm bán; quảng cáo thư trực tuyến; tư vấn marketing. | 7310(Chính) |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7320        |
| 17. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Trừ Hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7420        |
| 18. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn về công nghệ khác;<br>Tư vấn chuyên gia công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7490        |
| 19. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4791        |
| 20. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Cơ sở sản xuất phim<br>Sản xuất chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5911        |
| 21. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5912        |
| 22. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Phát hành phim                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5913        |
| 23. | Hoạt động chiếu phim<br>Chi tiết: Cơ sở chiếu phim;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5914        |
| 24. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4741        |
| 25. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4742        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.900.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: BÙI THỊ HẰNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 12/10/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037169009127

Ngày cấp: 01/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Mỹ Quế, Xã Gia Tường, Huyện Nho quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 332 Toà CT1 Nam Xa La, đường Phúc La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI THỊ HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/10/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037169009127

Ngày cấp: 01/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Mỹ Quế, Xã Gia Tường, Huyện Nho quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 332 Toà CT1 Nam Xa La, đường Phúc La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội